

HIỆU QUẢ NGHỆ THUẬT CỦA LỜI THOẠI NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN NGẮN “TƯỚNG VỀ HƯU” CỦA NGUYỄN HUY THIỆP

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Khoa Ngữ văn - ĐHSPT Vinh

Đọc các truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, chúng tôi thấy một trong những điểm gây ấn tượng mạnh đối với người đọc là ngôn ngữ đối thoại. Lời thoại thường là ngắn, có khi chỉ là những mẩu nhỏ và nhiều khi nó khước từ cả những quy tắc cơ bản của lý thuyết tương tác trong hội thoại. Truyện “Tướng về hưu” chỉ gần 600 câu nhưng bị xé lẻ đến 15 chương khúc và trong mỗi chương khúc lại còn tiếp tục bị xé vụn. Và một trong những phương tiện bảo đảm tính thống nhất của các chương khúc và tính mạch lạc của truyện chính là lối sử dụng lời thoại nhân vật giống nhau về hình thức và ý đồ biểu hiện. Bài viết này trên cơ sở chỉ ra những biểu hiện của lời thoại trong “Tướng về hưu” để làm rõ hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng lời thoại như thế đối với mục đích nghệ thuật của nhà văn. Bởi “Tướng về hưu” là một truyện khá tiêu biểu cho phong cách Nguyễn Huy Thiệp và lời thoại trong đó cũng có tính chất đại diện cho một loạt sáng tác sau này của ông.

1. Trong tâm lý đọc, một số người thường có thói quen là bỏ qua những đoạn kể, đọc nhảy xuống đoạn thoại, do vậy nhiều tác giả, tác phẩm phải dùng nhiều lời thoại để vỗ về cảm giác của họ và lời thoại phải được bố trí trên trang in sao cho dễ nhận thấy nhất. Số lượng lời thoại trong “Tướng về hưu” chiếm đến 1/3 truyện, rất ấn tượng và gợi nhiều suy nghĩ đối với người đọc. Nguyễn Huy Thiệp đi ngược với truyền thống, để cho câu kể và câu thoại lẫn nhau. Đây không phải là một cách tận tảo bạo cho văn phạm Việt, cũng không phải là thuật tung hỏa mù vào sự chú ý của người đọc. Mạch đi đứt khoát, dồn dập như tốc ký của truyện đã không bị ngắt đứt vì không vướng phải “hai chấm, xuống dòng, gạch ngang đầu dòng”.

2. Câu văn dài trong “Tướng về hưu” rất hiếm, câu thoại dài thì vắng hẵn. Nghệ thuật tỉnh lược ở đây tỏ ra rất hiệu quả. Bởi nó đòi hỏi vứt hết những thứ thừa, thứ phụ, tránh loanh quanh, rườm rà mà đi thẳng ngay vào trung tâm sự vật. Số lượng từ ngữ trong câu kể chỉ đủ khuôn trong cú pháp C-V (chủ ngữ - vị ngữ) hoặc T-C-V. Thành phần T (trạng ngữ) này xuất hiện cho ra vẻ cái gì, sự gì cũng chân thực cả, cũng có ngày có tháng, có buổi có lúc cả. Những câu thoại cũng đều là những câu đơn trong đó chiếm phần nhiều là câu đơn đặc biệt, thiếu đầu thiếu đuôi, có khi được giản lược đến mức tối

đa, chỉ giữ lại thông tin chính, sát sườn : Tôi bảo "mừng rồi" ... tôi hỏi : "chuẩn bị à?". Vợ tôi bảo : "không" ... vợ tôi bảo : "buồn anh lắm". Tôi bảo : "Anh đòi lại nhé". Vợ tôi bảo : "Thôi coi như trả công. Lão ấy tốt nhưng nghèo". Với kiểu nói năng, đối đáp như thế, tác giả đã tước sạch mọi ý thức về vai giao tiếp, vị thế giao tiếp của các nhân vật. Người nói không ý thức về vai của mình đã đành, cũng không cần ý thức vai của người đối thoại. Nếu tách riêng lời thoại trong truyện ra, người đọc sẽ khó lòng đoán định được mức độ quan hệ, tuổi tác, giới tính, địa vị xã hội ... của các nhân vật tham gia vào đối thoại. Ngôn ngữ ở đây đã từ bỏ chức năng thẩm mỹ của nó, đã đánh mất khả năng đánh tráo của nó. Nó không còn là nơi để con người giấu nhem những ý nghĩ xấu xa vào những lời lẽ tốt đẹp, hoa mỹ, ngược lại nó phơi tỏ những toan tính trần trụi nhất, nhỏ mọn nhất của con người khi phải giành giật mỗi lợi về cho mình.

3. Trong truyện, tuyệt nhiên không có lời dẫn dài dòng. Những câu dẫn bị tước bỏ bỏ ngữ, định ngữ hay những yếu tố tình thái có thể hé gợi cho người đọc phần nào hướng thể hiện của sự tình, kiểu như : cô gái cúi mặt giọng van như chuông : "tôi chóng vánh kêu lên:", hay "Nordenberg cảm thấy tự ái vì cái giọng có vẻ kẻ cả trong câu hỏi của Sekmer nên trả lời cụt ngắn:". Tất cả mọi câu dẫn đều đóng khung trong mô hình : Chủ thể + Động từ chỉ hành vi nói, kiểu : "Tôi bảo", "Cha tôi bảo", "Vợ tôi bảo", "Cái Vi hỏi", "Ông Bồng nói", "Ông thợ mộc quát" ... Trong tổng số động từ chứa trong câu dẫn thoại, chỉ có 24 từ thuộc từ loại khác (cười, thờ dài, tính, khóc, nghĩ, cúi ...) còn lại đều là những động từ trực tiếp chỉ hành vi nói năng : nói, bảo, hỏi (chiếm gần 90% tổng số). Có nhiều đoạn thoại, tác giả sử dụng lối đặt kế nhau những động từ "nói", "bảo" chập khúc câu thoại, làm cho câu thoại thêm tũn ngùn, chỉ chít và sự kiện, sự việc thêm dồn dập, gay gắt. Tôi bảo : "Được". Vợ tôi bảo : "Không được" ... Tôi hỏi : "Có chuyện gì thế?" Ông bảo : "Ông Cơ và cô Lài vất vả quá. Họ làm không hết việc, cha muốn giúp họ được không?" Tôi bảo : "Để con hỏi Thủy." Vợ tôi bảo : "Cha làm tướng, về hưu cha vẫn làm tướng. Cha là chỉ huy. Cha mà làm lính thì dễ loạn cờ"... Cha tôi bảo : "Nghỉ rồi, cha làm gì?" Tôi bảo : "Viết hồi ký." Cha tôi bảo : "Không." Vợ tôi bảo : "Cha nuôi vẹt xem." Cha tôi bảo : "Kiếm tiền à?" Vợ tôi không trả lời. Cha tôi bảo : "Để xem đã".

Điều dễ nhận thấy là cứ lặp đi lặp lại "Tôi bảo", "cha tôi bảo", "Vợ tôi bảo", "Cái Vi bảo", "Tôi hỏi", "Vợ tôi nói" ... nhưng tuyệt nhiên không có từ nào trực tiếp chỉ hành vi hỏi đáp như : "đáp", "trả lời". Câu trao và câu đáp được đưa dẫn bằng những hình thức giống nhau (đều dùng động từ "bảo" hay "nói" dù đó là hành vi hỏi, trả lời, cầu khiến, đáp ứng, phản đối, giải thích, đánh giá ...). Có khi câu trao được đưa ra nhưng vắng câu đáp và tác giả vẫn để cho sự việc tiếp diễn như chưa từng xuất hiện câu trao, có khi câu trao được đưa ra nhưng câu đáp lại không đếm xỉa đến thông tin trong câu

trao. “Cha tôi về, đồ đạc đơn sơ. Cha tôi khỏe. Ông bảo “việc lớn trong đời cha làm xong rồi?”. Tôi bảo “Vâng ... cha tôi cười. Tâm trạng xúc động lây sang cả nhà, mọi người chuyển choáng đến nửa tháng trời, sinh hoạt tùy tiện, có khi mười hai giờ đêm mới ăn cơm chiều. Khách khứa đến chơi nườm nượp. Vợ tôi bảo “không thể thể được ... Tôi cho mổ lợn, đi mời họ hàng làng nước đến chia vui. Làng tôi tuy gần thành phố nhưng mà tập tục nông thôn vẫn còn giữ ...”. Ông Chương bảo “Cha anh là người đáng trọng”. Tôi bảo “theo nghi lễ quân đội hả chú?”. Lối viết này triệt tiêu sự tương tác giữa các nhân vật, làm lỏng lẻo sự gắn kết về ngữ nghĩa và ngữ dụng của các lời thoại, xóa mờ ranh giới cuộc thoại (nghĩa là không có dấu hiệu mở đầu, không có dấu hiệu kết thúc). Ngôn ngữ không phải để con người hiểu nhau theo cái nghĩa cộng tác, thông cảm với nhau mà theo nghĩa “nói gì nhiều, ta biết tổng mảy mĩ gì rồi”.

“Tướng về hưu” là cả một “tấn trò đời” thu nhỏ - đủ các loại hạng người : tướng lĩnh, kỹ sư, bác sĩ, người làm công, cô gái lỡ làng, thằng tù. Đủ các quan hệ : cha - con; ông - cháu; chủ - người làm thuê; họ hàng, thông gia, nhân tình, nhân ngãi ... đủ các sự kiện tang ma, cưới hỏi ..., đủ các cảm xúc hỉ, nộ, ái, ố. Chừng ấy con người, sự việc, sự kiện đều được kể cùng một giọng : sắc lạnh, rạch ròi, không cao trào, kịch tính. Hiếm có một cảm xúc lộ hay một sự bình luận trực tiếp, thái độ, tình cảm của tác giả với mọi chuyện là khách quan. Mọi sự, mọi việc cứ diễn ra trần trụi, thẳng băng như nó phải như thế, con người việc nói như nó nghĩ, chẳng cần đay diễm, tế nhị gì cả. Niềm tin không còn đất sống. Những tình cảm tốt lành nếu có cũng mau chóng tàn lụi vì không đương nổi thực tế tàn nhẫn. Đến cả đứa trẻ như cái Vi, cái Mi cũng đóng vai phán xét lạnh lùng. (Cha tôi bảo: “Các cháu có sách gì mang cho ông đọc (... cái Mi cười. Cái Vi bảo “ông thích đọc gì?”. Cha tôi bảo “Cái gì dễ đọc”. Hai đứa bảo : “Thế thì không có” ... Vợ tôi òa khóc : “Em thật có lỗi với anh, với con”. Tôi khó chịu quay đi. Nếu có cái Vi bây giờ thì nó sẽ hỏi tôi rằng : “Bố ơi, đấy có phải là nước mắt cá sấu không?” ... Cái Mi hỏi “Sao chết đi qua đò cũng phải trả tiền? Sao lại cho tiền vào miệng bà?” Cái Vi bảo: “Đấy có phải là ngậm miệng ăn tiền không bố? ... Tôi khóc : “Các con không hiểu đâu. Bố cũng không hiểu, đó là mê tín”. Cái Vi bảo : “Con hiểu đấy. Đời người cần biết bao nhiêu là tiền. Chết cũng cần”). Người như ông Bổng xuất thân thấp kém lại ưa nói những điều luân lý, lẽ phải, thiệt hơn, đối nhân xử thế. (Ông Bổng hay nói : “Quân trí thức khôn nạn! Rẻ dân lao động! Nể bố nó, không tôi cách cửa!” ... Vợ tôi khe khẽ, bao giờ cũng bắt ông phải ký cược. Ông Bổng rất ỉt, ông nói : “Mình là chủ nó, trót vay nợ nó mà nó cứ xử hết như địa chủ” ... Cưới vợ cho con, ông Bổng nói với cha tôi : “Anh phải đứng ra chủ hôn, bố cháu Kim Chi Vụ Phó, anh là tướng, thế là môn đăng hộ đối”. “Sau này các cháu nhờ phúc của ông, như tôi là thằng phu xe, bấu gì” ... Lại hỏi “Thế em là ai?”. Mẹ tôi bảo: “Là người”. Ông Bổng

khóc òa lên: " Thế là chị thương em nhất . Cả làng gọi em là đồ chó . Vợ em gọi em là đồ đẽu . Thằng Tuấn gọi em là đồ khốn nạn . Chỉ có chị gọi em là người").

Nắm trong tay dung lượng người và sự phong phú như tiểu thuyết, lại gán cho các nhân vật lời thoại thoạt nhìn tương tự nhau về hình thức, Nguyễn Huy Thiệp phải có tài điều khiển để mỗi nhân vật thực sự là "con người này". Có cảm giác câu văn không hề được gọt giũa, trau chuốt, tác giả cũng không quan tâm với việc làm sùng sốt độc giả bằng những tình tiết li kỳ, những quan sát độc đáo. Lời lẽ của nhân vật cũng hết sức bình thường, cô gọn nhưng được đặt đúng ngữ cảnh lên có sức hàm chứa lớn, hàm chứa tính cách nhân vật, thụ động, yếu nhược ("Để con hỏi Thủy?" khi cần quyết định cái gì, "Vợ cháu" khi được hỏi ai chủ trì kinh tế, "Hay anh đi nhé" khi phát hiện vợ ngoại tình). Thủy : rành rẽ, dứt khoát, thực tế, biết điều "Không dễ thế được", nói với cha : "Cha nuôi vẹt xem", nói với chồng : "Anh thôi hút thuốc Galăng đi, Năm nay nhà mình hụt thu 27nghìn, chi lạm 28 nghìn, cộng là 45 nghìn". Nói với ông Bổng : "Thôi, coi như trả công. Lão ấy tốt nhưng nghèo. Ông Bổng : thực dụng, hồn nhiên ("ván mấy phân?" Tôi bảo : "bốn phân". Ông Bổng bảo : "mất mẹ bộ salông. Ai lại đi đóng quan tài bằng gỗ dổi bao giờ? Bao giờ bốc mộ cho chú bộ ván"... "Không sao, bây giờ cả làng này chết tao cũng đủ tiền đi đồ nhét vào miệng họ" ... "thế là nơi này yêu nơi kia, người này yêu người kia. Tất cả đều đứt nước mình, nhân dân mình cả. Vậy thì đất nước muôn năm! Hoan hô đèn cù"). Nhân vật hấp dẫn nhất truyện là Thủy. Thủy chính là con người của cuộc sống hôm nay. Mạnh mẽ, đầy lý chí, tình táo, sòng phẳng, nhiều khi thực tế đến tàn nhẫn, nhưng đồng thời rất biết điều, biết tôn ty, biết nhìn người đúng thực chất. Thủy đại diện cho những con người mà đối với họ mọi giá trị phải được thay bộ mặt mới. Những con người này gây cảm giác gai sợ nhưng chắc chắn họ rất thành công trong việc xoay bắt cuộc sống theo ý họ. Trong truyện, mọi hành động, lời nói của nhân vật đều được đặt trong hiện tại, không có quá khứ, không có tương lai, không có tính nhân quả, không có sự can thiệp, ảnh hưởng của môi trường sống, môi trường giáo dục. Mỗi nhân vật sắm trọn vai mình từ đầu đến cuối.

5. Kiểu ngôn ngữ đối thoại như trong "Tướng về hưu" không phải là hiện tượng cá biệt trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp. Trong một số truyện về sau của ông : "Không có vua", "Con gái thủy thần", "Những bài học nông thôn", "Nhưng người thợ xẻ", "Giọt máu" ... và cả truyện gần đây nhất in ở báo Tiền phong số tết Kỷ Mão, kiểu đối thoại này được lặp lại và đạt được những hiệu quả nghệ thuật mới. Nó cho phép nhà văn thực hiện một cách sắc sảo nhất và triệt để nhất cái khát vọng diễn tả "Những sự chân thực lạnh buốt" ở con người và cuộc sống hôm nay. Qua lời thoại, nhân vật lột mặt người khác và tự lột mặt mình. Hình thức đối thoại này thể hiện nhiều nét quan trọng trong phong cách ngôn ngữ Nguyễn Huy Thiệp. Vì vậy, việc tìm hiểu hiệu quả

nghệ thuật của lời thoại nhân vật sẽ là một chìa khóa hữu hiệu nhất để bước vào thế giới nghệ thuật đầy "bất trắc" và "khó nhằn" của Nguyễn Huy Thiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán - *Đại cương ngôn ngữ học*. NXB Giáo dục. 1993
2. Nguyễn Huy Thiệp. *Như những ngọn gió (truyện ngắn và kịch)*. NXB Văn học 1996